TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 4 - 2021
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Bùi Văn Khanh**

2. Ông **Lương Phi Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Tuyết Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày **29** tháng **4** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn*:** Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970 – có mặt

- ***Bị đơn:*** Chị **Huỳnh Thị U**, sinh năm 1962 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: tổ 3, ấp M 2, xã M, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2020, anh Nguyễn Văn N là nguyên đơn trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001 tôi và Huỳnh Thị U có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai bên do quen biết được cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 30/10/2006. Sau khi cưới chúng tôi về sống chung tại xã M, thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi có nhiều mâu thuẫn như: cãi nhau, vợ chồng bất đồng ý kiến, cuộc sống không có hạnh phúc từ đó chúng tôi sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay.

Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị U.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung:

1) Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 22/9/2002;

2) Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009, hai cháu sống chung với chị U.

Sau khi ly hôn tôi anh N đồng theo nguyện vọng của cháu N, riêng cháu L đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận.

- Về nợ phải thu, phải trả: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị U vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc bị đơn chị Huỳnh Thị U được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét mối quan hệ gia đình: Nhận thấy, giữa anh Nguyễn Văn N và chị Huỳnh Thị U có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh và chị U có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được;

Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh N. Cho anh Nguyễn Văn Nhi được ly hôn với chị Huỳnh Thị U.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 (một) người con chung:

1) Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 22/9/2002 đã trưởng thành.

2) Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009, hiện sống chung với chị U.

Sau khi ly hôn anh N đồng ý cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc theo nguyện vọng của cháu, riêng cháu L đã trưởng thành anh không yêu cầu. Do chị U chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N, nên anh Nguyễn Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận. Bị đơn chị U không có ý kiến phản bác nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh N trình bày không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị U không có ý kiến phản bác nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010655, ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên anh N không phải nộp thêm.

[8]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N.

Cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Huỳnh Thị U.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009 cho chị U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2002 đã trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu giải quyết, tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải chịu số tiền là: 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010655, ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên anh N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn anh N có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị U vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND TX Bình Minh;*
- *CC THADS TX Bình Minh;*
- *UBND xã M;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết